

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Báo cáo tài chính Quý 2 Năm 2025  
kết thúc tại ngày  
ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký** 34121000019  
**Đầu tư số** 1714445463

ngày 20 tháng 9 năm 2007  
ngày 24 tháng 11 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh lần đầu vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 1714445463. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh lần lượt do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số**

4300338460

ngày 6 tháng 10 năm 2005

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 04 tháng 12 năm 2024. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Koo Liang Kwee	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Nhựt	Thành viên
Ông Đinh Văn Thành	Thành viên
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng ban (28/02/2025)
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều	Thành viên

Ông Nguyễn Văn Hòa	Trưởng ban (01/03/2025)
Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều	Thành viên

**Ban Điều hành**

Bà Bùi Thị Nhựt	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc
Ông Võ Thanh Cường	Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú,  
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>256.972.231.559</b>	<b>448.998.204.247</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>15.397.176.816</b>	<b>37.710.615.164</b>
Tiền	111		8.397.176.816	37.710.615.164
Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>88.060.802.855</b>	<b>225.567.016.808</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	83.579.005.263	225.024.381.858
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	4.191.981.176	436.922.558
Phải thu ngắn hạn khác	136		289.816.416	105.712.392
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11(a)</b>	<b>149.146.400.496</b>	<b>182.687.390.940</b>
Hàng tồn kho	141		149.509.066.858	183.036.156.466
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(362.666.362)	(348.765.526)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.367.851.392</b>	<b>3.033.181.335</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.367.851.392	2.470.001.473
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	563.179.862
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>822.021.104.936</b>	<b>881.934.974.598</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>681.276.487.326</b>	<b>741.488.102.823</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	681.214.805.777	741.410.330.435
Nguyên giá	222		2.014.695.088.660	2.011.909.088.660
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.333.480.282.883)	(1.270.498.758.225)
Tài sản cố định vô hình	227		<b>61.681.549</b>	<b>77.772.388</b>
Nguyên giá	228		519.545.034	519.545.034
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(457.863.485)	(441.772.646)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.633.368.042</b>	<b>14.435.516.699</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	16.633.368.042	14.435.516.699
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>124.111.249.568</b>	<b>126.011.355.076</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	115.083.531.477	118.928.709.124
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.839.685.840	2.666.760.635
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	6.188.032.251	4.415.885.317
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.078.993.336.495</b>	<b>1.330.933.178.845</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>269.572.477.411</b>	<b>493.995.757.281</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>269.572.477.411</b>	<b>493.995.757.281</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15(a)	33.132.964.064	49.265.381.883
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.407.346	27.423.572
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	203.208.491.951	216.649.644.530
Phải trả người lao động	314		1.838.035.352	3.489.597.698
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	9.133.802.057	8.907.652.469
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	17.514.875.550	19.265.140.607
Vay ngắn hạn	320	19	-	189.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	4.726.901.091	7.390.916.522
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>809.420.859.084</b>	<b>836.937.421.564</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>809.420.859.084</b>	<b>836.937.421.564</b>
Vốn cổ phần	411	22	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		322.820.608.812	350.337.171.292
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		304.819.000.731	279.457.411.486
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		18.001.608.081	70.879.759.806
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.078.993.336.495</b>	<b>1.330.933.178.845</b>

Ngày 19 tháng 7 năm 2025

**Người duyệt:**  
  
**Bùi Thị Nhựt**  
**Giám đốc**

**Người lập:**  
  
**Võ Thanh Cường**  
**Kế toán trưởng**

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Quý này năm nay VND</b>	<b>Quý này năm trước VND</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay) 30/06/2025 VND</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước) 30/06/2024 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>404.233.978.509</b>	<b>506.907.055.682</b>	<b>825.207.427.041</b>	<b>1.009.087.228.070</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>23</b>	<b>132.905.520</b>	<b>119.752.800</b>	<b>166.818.960</b>	<b>198.983.960</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>404.101.072.989</b>	<b>506.787.302.882</b>	<b>825.040.608.081</b>	<b>1.008.888.244.110</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>380.183.325.791</b>	<b>458.869.002.660</b>	<b>782.348.078.458</b>	<b>922.444.331.558</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>23.917.747.198</b>	<b>47.918.300.222</b>	<b>42.692.529.623</b>	<b>86.443.912.552</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	468.288.003	1.574.699.825	669.886.344	7.067.172.221
Chi phí tài chính	22	26	600.802.356	1.833.307.594	2.274.384.029	4.129.883.521
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		597.280.316	1.821.112.513	2.259.040.499	4.129.787.764
Chi phí bán hàng	25	27	2.621.116.982	2.896.930.449	5.289.312.007	6.278.533.893
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	3.099.409.408	1.831.221.128	6.595.028.474	5.717.851.715
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>18.064.706.455</b>	<b>42.931.540.876</b>	<b>29.203.691.457</b>	<b>77.384.815.644</b>
Thu nhập khác	31		334.955.282	258.734.384	633.503.713	527.591.644
Chi phí khác	32		237.820.457	246.913.215	423.911.524	524.751.417
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>97.134.825</b>	<b>11.821.169</b>	<b>209.592.189</b>	<b>2.840.227</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay VND	Quý này năm trước VND	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay) 30/06/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước) 30/06/2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.161.841.280	42.943.362.045	29.413.283.646	77.387.655.871
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	5.726.269.849	7.740.343.701	8.127.028.122	15.635.438.831
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	30	(91.553.149)	(48.681.640)	(172.925.205)	(31.625.151)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.527.124.580	35.251.699.984	21.459.180.729	61.783.842.191
Lãi trên cổ phiếu	70	31	240	741	400	1.293

Ngày 19 tháng 7 năm 2025



**Bùi Thị Nhựt**  
Giám đốc

Người duyệt:

Người lập:

**Võ Thanh Cường**  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay) 30/06/2024 VND</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay) 30/06/2024 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>29.413.283.646</b>	<b>77.387.655.871</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		62.997.615.497	63.690.041.272
Các khoản dự phòng	03		882.147.840	184.651.781
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(17.521.817)	(26.526.024)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(22.236.734)	(2.392.231.726)
Chi phí lãi vay	06		2.259.040.499	4.129.787.764
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>95.512.328.931</b>	<b>142.973.378.938</b>
Biến động các khoản phải thu	09		142.027.995.586	(29.991.831.162)
Biến động hàng tồn kho	10		30.886.695.670	(28.524.280.710)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(31.975.242.211)	4.540.971.607
Biến động chi phí trả trước	12		(608.627.861)	(5.792.690.528)
			<b>235.843.150.115</b>	<b>83.205.548.145</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.883.728.768)	(3.494.534.795)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.813.529.206)	(25.572.544.968)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		7.020.000	5.400.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.381.098.640)	(6.897.095.440)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>219.771.813.501</b>	<b>47.246.772.942</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(6.878.189.674)	(127.113.592.111)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(88.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		21.412.076	2.038.580.220
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.856.777.598)</b>	<b>(213.075.011.891)</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	607.400.000.000	747.800.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(796.400.000.000)	(734.500.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(46.216.439.500)	(63.676.719.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(235.216.439.500)</b>	<b>(50.376.719.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(22.301.403.597)</b>	<b>(216.204.958.449)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>37.710.615.164</b>	<b>266.189.958.489</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(12.034.751)</b>	<b>411.115</b>
<b>Tiền cuối quý (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>15.397.176.816</b>	<b>49.985.411.155</b>

Ngày 19 tháng 7 năm 2025



**Người duyệt:**

**Bùi Thị Nhựt**  
**Giám đốc**

**Người lập:**

**Võ Thanh Cường**  
**Kế toán trưởng**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSQ.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh đồ uống chứa cồn và kinh doanh kho bãi.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có 205 nhân viên (1/1/2025: 205 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 30/06/2025, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 12.600 triệu VND (1/1/2025: 44.998 triệu VND). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng với giá trị là 510.000 triệu VND và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ và không tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 41 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.



**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính quý hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của quý hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong quý 1 năm trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong năm, không diễn ra hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 30 tháng 06 năm 2024 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

**(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền**

	<b>30/06/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	105.215.257	55.837.045
Tiền gửi ngân hàng	8.291.961.559	37.654.778.119
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	-
	15.397.176.816	37.710.615.164

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/06/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	73.157.864.799	211.947.177.947
International Consolidated Business Pty Ltd	9.558.184.691	11.119.820.747
Các khách hàng khác	862.955.773	1.798.501.169
	83.579.005.263	225.024.381.858

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/06/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	73.157.864.799	211.947.177.947
<b>Bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Sông Lam	42.444.000	61.398.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	69.216.285	-

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 3 đến 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

**Trả trước cho người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>30/06/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các nhà cung cấp khác	3.891.975.176	339.438.563
	3.891.975.176	339.438.563
	<b>30/06/2025</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan khác</b>	300.006.000	97.483.995
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	300.006.000	97.483.995

Trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 bao gồm 300 triệu VND là khoản trả trước cho người bán để mua tài sản cố định (1/1/2025: 25.78 triệu VND).

**8. Hàng tồn kho**

**(a) Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2025</b>		<b>1/1/2025</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	67.519.392.939	-	88.427.355.761	-
Công cụ và dụng cụ	9.458.321.488	(362.666.362)	10.610.600.389	(348.765.526)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.051.043.222	-	36.764.177.458	-
Thành phẩm	45.468.396.089	-	47.212.513.058	-
Hàng hóa	11.913.120	-	21.509.800	-
	149.509.066.858	(362.666.362)	183.036.156.466	(348.765.526)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>30/06/2025</b>	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	348.765.526	386.969.747
Dự phòng trích lập trong kỳ	50.506.048	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(36.605.212)	(99.307.171)
Số dư cuối kỳ	362.666.362	287.662.576

**(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

**30/06/2025**

**1/1/2025**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	19.878.951.644	(13.690.919.393)	17.238.557.706	(12.822.672.389)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	<b>30/06/2025 VND</b>	<b>30/06/2024 VND</b>
Số dư đầu năm	12.822.672.389	10.857.108.802
Dự phòng trích lập trong kỳ	918.753.052	579.852.844
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(50.506.048)	(295.893.892)
Số dư cuối năm	13.690.919.393	11.141.067.754

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa. vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	336.599.223.207	1.664.045.311.312	9.520.927.538	1.198.726.550	544.900.053	2.011.909.088.660
Tăng trong năm	1.896.000.000	890.000.000	-	-	-	2.786.000.000
Mua trong kỳ	-	890.000.000	-	-	-	890.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở	1.896.000.000		-	-	-	1.896.000.000
Số dư cuối năm	338.495.223.207	1.664.935.311.312	9.520.927.538	1.198.726.550	544.900.053	2.014.695.088.660
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	155.118.354.079	1.104.900.908.408	8.904.855.535	1.091.602.226	483.037.977	1.270.498.758.225
Khấu hao trong năm	6.861.184.292	55.935.981.551	83.383.284	85.510.012	15.465.519	62.981.524.658
Số dư cuối năm	161.979.538.371	1.160.836.889.959	8.988.238.819	1.177.112.238	498.503.496	1.333.480.282.883
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	181.480.869.128	559.144.402.904	616.072.003	107.124.324	61.862.076	741.410.330.435
Số dư cuối năm	176.515.684.836	504.098.421.353	532.688.719	21,614,312	46,396,557	681.214.805.777

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 38.756 triệu VND (1/1/2025: 34.710 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>30/06/2025</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2025</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	14.435.516.699	9.798.307.815
Tăng trong kỳ	2.059.969.129	2.567.729.313
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	2.033.882.214	2.033.882.220
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.896.000.000)	(395.284.869)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>16.633.368.042</b>	<b>14.004.634.479</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/06/2025</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2025</b> <b>VND</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc của dự án 06 Nguyễn Thụy	16.566.086.561	12.401.634.479
Tài sản cố định khác	67.281.481	1.603.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>16.633.368.042</b>	<b>14.004.634.479</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí lãi vay trả trước VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	112.819.751.504	5.586.884.245	522.073.375	118.928.709.124
Tăng trong kỳ	-	195.840.000	-	195.840.000
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(2.033.882.214)	-	-	(2.033.882.214)
Phân bổ trong kỳ	-	(1.485.062.058)	(522.073.375)	(2.007.135.433)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>110.785.869.290</b>	<b>4.297.662.187</b>	<b>-</b>	<b>115.083.531.477</b>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán ngắn hạn**

**(i) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/06/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	15.002.964.453	34.567.698.610
Công ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Thái Tân	1.828.549.630	1.241.012.172
Công ty Cổ Phần Hanacans	5.291.585.136	4.105.348.563
Công ty TNHH Thịnh Đức	660.418.280	1.034.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hà Tân	1.721.535.001	1.984.613.814
Công ty TNHH MTV Đầu tư . xây dựng và kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	3.259.987.827	120.744.000
Các nhà cung cấp khác	5.367.923.737	6.211.964.724
	<b>33.132.964.064</b>	<b>49.265.381.883</b>

**(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/06/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	15.002.964.453	39.926.304.752
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	6.166.936
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	79.998.320	-

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2025</b>	<b>Số phát sinh</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>Số cần trừ</b>	<b>30/06/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	186.308.371.146	749.381.346.373	(805,193,092,551)	-	130,496,624,968
Thuế giá trị gia tăng	22.531.830.724	153.164.527.416	(51.569.522.462)	(59.654.674.801)	64.472.160.877
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.809.254.871	8.127.028.122	(7.813.529.206)	-	8.122.753.787
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.604.336.217	(1.924.978.969)	(563.179.862)	116.177.386
Thuế nhập khẩu	-	7.018.790	(7.018.790)	-	-
Các loại thuế khác	187.789	5.757.757	(5.170.613)	-	774.933
	<b>216.649.644.530</b>	<b>913.290.014.675</b>	<b>(866.513.312.591)</b>	<b>(60.217.854.663)</b>	<b>203.208.491.951</b>

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/06/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	8.334.895.505	8.481.657.149
Thù lao Hội đồng Quản trị	164.800.012	-
Chi phí khác	634.106.540	425.995.320
	<b>9.133.802.057</b>	<b>8.907.652.469</b>

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	14.937.630.000	16.154.069.500
Phải trả khác	2.577.245.550	3.111.071.107
	<b>17.514.875.550</b>	<b>19.265.140.607</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>30/06/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND</b>
		<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	
Vay ngắn hạn	189.000.000.000	607.400.000.000	(796.400.000.000)	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>30/06/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	VND		-	120.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii)	VND		-	69.000.000.000
			-	189.000.000.000



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>30/06/2025</b>	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	7.390.916.522	6.859.459.423
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 18)	3.191.892.648	3.088.999.998
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 18)	518.170.561	1.005.776.094
Tiền thu khác	7.020.000	5.400.000
Sử dụng trong kỳ	(6.381.098.640)	(6.897.095.440)
Số dư cuối kỳ	4.726.901.091	4.062.540.075

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>36.600.250.272</b>	<b>347.963.187.580</b>	<b>834.563.437.852</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	61.783.842.191	61.783.842.191
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(3.088.999.998)	(3.088.999.998)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023	-	-	(1.005.776.094)	(1.005.776.094)
Trích Quỹ Công tác xã hội	-	-	(236.284.200)	(236.284.200)
Cổ tức năm 2023	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>36.600.250.272</b>	<b>337.915.969.479</b>	<b>824.516.219.751</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	38.246.486.015	38.246.486.015
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.089.000.002)	(3.089.000.002)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(236.284.200)	(236.284.200)
Tạm ứng cổ tức năm 2024 (Thuyết minh 20)	-	-	(22.500.000.000)	(22.500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2025</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>36.600.250.272</b>	<b>350.337.171.292</b>	<b>836.937.421.564</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	21.459.180.729	21.459.180.729
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.191.892.648)	(3.191.892.648)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024	-	-	(518.170.561)	(518.170.561)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(265.680.000)	(265.680.000)
Cổ tức năm 2024 (Thuyết minh 20)	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2025</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>36.600.250.272</b>	<b>322.820.608.812</b>	<b>809.420.859.084</b>

## **19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/06/2025 và 1/1/2025</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 30 tháng 06 năm 2024.

## **20. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 04 tháng 04 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông năm 2024 là 67.500 triệu đồng (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 (Năm 2023: 112.500 triệu VND, tương đương 2.500 VND/cổ phiếu), trong đó đã tạm ứng cổ tức 22.500 triệu VND cho cổ đông năm 2024.

## **21. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



## **22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

### **(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/06/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.408.321.286	3.408.321.286
Từ hai đến năm năm	13.633.285.144	13.633.285.144
Sau năm năm	60.406.658.628	62.096.812.471
	<u>77.448.265.058</u>	<u>79.138.418.901</u>

### **(b) Ngoại tệ**

	<b>30/06/2025</b>		<b>1/1/2025</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	88.157,05	2.286.793.877	119.436,77	3.015.897.879
		<u>2.286.793.877</u>		<u>3.015.897.879</u>

### **(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	13.790.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	10.553.214.000	395.555.555
	<u>10.553.214.000</u>	<u>395.555.555</u>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	30/06/2025 VND	30/06/2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	817.619.225.646	1.001.940.667.583
▪ Bán hàng hóa, phế liệu	7.588.201.395	7.146.560.487
	825.207.427.041	1.009.087.228.070
Trừ đi khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	166.818.960	198.983.960
Doanh thu thuần	825.040.608.081	1.008.888.244.110

**24. Giá vốn hàng bán**

	30/06/2025 VND	30/06/2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	781.165.009.238	922.048.545.188
▪ Hàng hóa	300.921.380	211.134.589
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	882.147.840	184.651.781
	782.348.078.458	922.444.331.558

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	30/06/2025 VND	30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi	22.236.734	2.392.231.726
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	630.127.793	4.655.244.150
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.521.817	19.696.345
	669.886.344	7.067.172.221

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Chi phí tài chính**

	<b>30/06/2025</b>	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	2.259.040.499	4.129.787.764
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.343.530	95.757
	<hr/> 2.274.384.029	<hr/> 4.129.883.521

**27. Chi phí bán hàng**

	<b>30/06/2025</b>	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	1.677.507.094	1.651.396.906
Chi phí NVL, CCDC	153.315.619	167.007.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.226.287.015	4.208.990.520
Chi phí bán hàng khác	232.202.279	251.139.107
	<hr/> 5.289.312.007	<hr/> 6.278.533.893

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>30/06/2025</b>	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	4.022.205.525	2.717.117.278
Chi phí NVL, CCDC	288.308.187	276.740.455
Chi phí khấu hao và phân bổ	387.956.263	398.858.639
Thuế, phí lệ phí	23.454.389	364.486.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	979.762.695	598.695.049
Chi phí quản lý khác	893.341.415	1.361.953.382
	<hr/> 6.595.028.474	<hr/> 5.717.851.715



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>30/06/2025</b>	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	680.388.064.842	837.326.073.218
Chi phí khấu hao và phân bổ	62.997.615.497	63.687.359.465
Chi phí nhân viên	27.289.420.957	22.166.264.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.929.451.294	9.383.250.283
Chi phí khác	3.161.018.464	3.371.241.790

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>30/06/2025</b>	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Quý hiện hành	8.122.753.787	14.674.829.887
Dự phòng thiếu trong những năm trước	4.274.335	960.608.944
	<b>8.127.028.122</b>	<b>15.635.438.831</b>
<b>(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(172.925.205)	(31.625.151)
	<b>(172.925.205)</b>	<b>(31.625.151)</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>30/06/2025</b>	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.413.283.646	77.387.655.871
Thuế theo thuế suất của Công ty	5.882.656.729	15.477.531.174
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.067.171.853	93.528.505
Dự phòng thiếu trong những năm trước	4.274.335	960.608.944
Điều chỉnh khác	-	(927.854.943)
	<b>7.954.102.917</b>	<b>15.603.813.680</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>30/06/2025</b>	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	21.459.180.729	61.783.842.191
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(3.191.892.648)	(3.088.999.998)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	(259.085.281)
Trích quỹ công tác xã hội	(265.680.000)	(236.284.200)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<b>18.001.608.081</b>	<b>58.199.472.713</b>

(\*) Số trích vào trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(\*\*) Số trích vào trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được điều chỉnh lại theo số thực trích được các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được điều chỉnh lại thành 1.293 VND/cổ phiếu do điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (theo

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

báo cáo trước đây: 1.299 VND/cổ phiếu).

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 30 tháng 06 năm 2024. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>30/06/2025</b>	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.522.999.268.500	1.843.307.385.150
Doanh thu khác	745.961.610	27.758.347
Mua nguyên vật liệu	564.073.621.036	721.484.754.855
Cổ tức đã trả	29.950.000.000	44.925.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung</b>		
Mua hàng hóa	804.885.350	372.257.950
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây</b>		
Cổ tức đã trả	1.166.667.000	1.750.000.500
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa	352.910.150	241.240.680
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hoá	153.824.000	149.564.000
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hoá	133.527.777	173.051.077
<b>Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co</b>		
Phí dịch vụ	-	180.679.000
Mua phụ tùng	85.157.000	-
<b>Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>30/06/2025</b>	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí sử dụng vỏ chai	-	12.239.193
Cho thuê Palet	64.089.153	-
<b>Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Sông Lam</b>		
Bán Hàng hóa	313.850.000	363.400.000

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>30/06/2025</b>	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Koo Liang Kwee – Chủ tịch	50.000.000	70.000.000
Bà Bùi Thị Nhựt – Thành viên	21.000.000	49.000.000
Ông Trần Nguyên Trung – Thành viên	21.000.000	49.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên – Thành viên	21.000.000	49.000.000
Ông Đinh Văn Thành – Thành viên	21.000.000	49.000.000
<b>Ban Điều hành</b>		
Lương, thưởng và thù lao	2.637.584.299	2.208.894.735
<b>Ban kiểm soát</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Văn Hòa – Trưởng Ban	82.739.309	28.000.000
Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân – Thành viên	15.000.000	230.525.815
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều – Thành viên	12.000.000	28.000.000

### 33. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lỗi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh như được trình bày ở Thuyết minh 31, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Ngày 19 tháng 7 năm 2025



**Người duyệt:**

**Bùi Thị Nhựt**  
**Giám đốc**

**Người lập:**

**Võ Thanh Cường**  
**Kế toán trưởng**

